

Sự cần thiết phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Vũ Tuấn Mạnh^(*)

Phạm Hoàng Anh^(**)

Tóm tắt: Phát triển bền vững đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Với những đóng góp của tôn giáo được thể hiện cả ở nguồn lực tinh thần lẫn vật chất và nguồn lực tôn giáo trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, thì Đảng, Nhà nước Việt Nam rất cần phát huy nguồn lực này để cùng với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội và người dân xây dựng, phát triển bền vững đất nước. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích các tài liệu thứ cấp, bài viết trình bày những cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nguồn lực tôn giáo, đồng thời đánh giá vai trò nguồn lực tôn giáo trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nguồn lực tôn giáo, Phát triển bền vững, Phát huy nguồn lực tôn giáo, Việt Nam

Abstract: Sustainable development has become a top priority for countries, including Vietnam. Due to evident contributions of religion in terms of spiritual, material and religious resources during the nation-building and development process, the Party and State of Vietnam urgently need to promote these resources for national sustainable development among political organizations, social institutions and people. Based on a collection and analysis of secondary documents, the paper summarizes theoretical and practical foundation of the Communist Party of Vietnam's awareness of religious resources, assessing their role, and proposing solutions to enhance religious resources for current sustainable development in Vietnam today.

Keywords: Religious Resources, Sustainable Development, Promoting Religious Resources, Vietnam

Ngày nhận bài: 10/01/2024; Ngày duyệt đăng: 15/3/2024

1. Mở đầu

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh những giá trị văn hóa, đồng thời là một trong những nguồn lực quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ

trước đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, muốn cách mạng thành công thì phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc không phân biệt giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo... Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa

^(*) NCS. Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng;
Email: vutuanmanh1984.lq1@gmail.com

^(**) NCS. Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng;
Email: hoanganhvct@gmail.com

IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới đã khẳng định: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước” (Bộ Chính trị, 2018). Tại Nghị quyết Đại hội XIII, Đảng khẳng định: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Tập 1: 171). Bởi thế, phát huy nguồn lực tôn giáo nói chung, từng tôn giáo hay mỗi địa phương trong sự nghiệp phát triển bền vững đất nước là tất yếu khách quan.

2. Cơ sở lý luận về phát huy nguồn lực tôn giáo

2.1. Xuất phát từ quan điểm chủ nghĩa Marx-Lenin về tác động tích cực của tôn giáo đối với đời sống xã hội

Theo chủ nghĩa Marx-Lenin, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan, qua hình thức phản ánh đó những hiện tượng tự nhiên, xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí và con người lệ thuộc vào sự siêu nhiên, thần bí đó. Xét về mặt xã hội, tôn giáo là một cộng đồng xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau bởi các giáo luật, giáo lý, tổ chức và chịu sự chi phối của giai cấp cầm quyền. Trong các xã hội cũ, giai cấp cầm quyền lợi dụng tôn giáo như là một công cụ thần quyền để nô dịch, cai trị quần chúng nhân dân lao động. K. Marx khẳng định: “Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân” (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, 2002, Tập 1: 570). Mệnh đề “*Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân*” đã từng gây ra nhiều tranh luận. Đến nay câu nói này được

luận giải theo nghĩa “sự tồn tại tất yếu của tôn giáo như liều thuốc giảm đau để xoa dịu những nỗi đau trần thế” (Nguyễn Khắc Đức, 2022: 10).

K. Marx và F. Engels tuy chưa đưa ra định nghĩa về tôn giáo một cách cụ thể, nhưng một số nhận xét của các ông đã phản ánh được bản chất tôn giáo: “Tôn giáo là sự tự ý thức và sự tự cảm giác của con người chưa tìm được bản thân mình hoặc đã lại để mất bản thân mình một lần nữa” (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, 2002, Tập 1: 569). Khi nói đến chức năng xã hội của tôn giáo, V.I. Lenin đã đề cập: “Tất cả những giai cấp áp bức đều cần đến hai chức năng xã hội, để giữ gìn nền thống trị của mình: chức năng dao phủ và chức năng giáo sĩ. Dao phủ phải dẹp tan sự phản kháng và sự căm phẫn của những người bị áp bức. Giáo sĩ phải an ủi những người bị áp bức, vạch ra cho họ thấy triển vọng...” (V.I. Lênin, *Toàn tập*, 2006, Tập 26: 293). Những giá trị đó có những điểm tương đồng với lý tưởng của chủ nghĩa xã hội: “Cả đạo Cơ Đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ” (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, 1995, Tập 22: 663).

2.2. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò quan trọng của tôn giáo và phương pháp ứng xử với tôn giáo

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc niềm tin của tín đồ đối với tín ngưỡng, tôn giáo mà họ tin theo, đối với các đảng linh thiêng mà họ đã gửi gắm tình cảm, sự hy vọng, kỳ vọng vào một tương lai tốt đẹp. Người không khai thác những khác biệt, trái ngược về thế giới quan giữa chủ nghĩa duy vật và tôn giáo mà đi tìm những giá trị nhân văn nơi các tôn giáo để cổ vũ, khích lệ đồng bào các tôn giáo phát huy những giá trị đó vào xây dựng đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo xuất phát từ nhận thức

đúng đắn về vai trò xã hội và đạo đức của tôn giáo đối với một bộ phận người dân: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái, Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi, Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, 2011, Tập 7: 95). Tư tưởng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh không dừng lại ở tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà hiện thực hóa thành hành động thông qua việc ứng xử với tôn giáo. Ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời ngày 03/9/1945, Người đã đề nghị: “Chính phủ tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết” (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, 2011, Tập 4: 8).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ nguồn nhân lực của tôn giáo chính là khối tín đồ, là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là lực lượng cách mạng cùng với nhân dân cả nước đấu tranh giành độc lập, thống nhất nước nhà, là lực lượng quần chúng đông đảo đóng góp quan trọng vào quá trình xây dựng và phát triển bền vững đất nước. Để phát huy nguồn nhân lực này, Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ cần phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có đạo thì mới đoàn kết được nhân dân. Người nhấn mạnh: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi, mà còn lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta cũng phải đoàn kết để xây dựng nước nhà: Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự nhân dân thì ta phải đoàn kết với họ” (Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, 1996, Tập 9: 244). Đoàn kết tôn giáo là nội dung quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh.

Mặc dù tôn giáo trong cách mạng Việt Nam có “dòng trong, dòng đục”, nhưng thấm nhuần quan điểm về tôn giáo từ chủ nghĩa Marx nên tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí

Minh là khai thác, phát huy giá trị tốt đẹp, khuyến khích dòng tư tưởng tiến bộ của tôn giáo, xem đó như một động lực, nguồn lực cho sự phát triển, cho chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, về phát huy nguồn lực tôn giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam, mà còn là những nguyên tắc nền tảng xuyên suốt trong chính sách của Đảng, Nhà nước đối với tôn giáo, là cơ sở lý luận quan trọng đặt nền móng cho các chủ thể trong xã hội phát huy nguồn lực tôn giáo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp sự tiếp cận chính trị với sự tiếp cận văn hóa trong vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để giải quyết các vấn đề liên quan đến tôn giáo tại Việt Nam (Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Đức Lữ, 2003: 82).

2.3. Xuất phát từ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo

Đảng nhận định “đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”, “hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo của tôn giáo được Nhà nước khuyến khích”, chủ trương “phát huy mọi tiềm năng của nhân dân lao động và trí thức các tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới và làm nghĩa vụ đối với Tổ quốc” (Bộ Chính trị, 1990). Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới đã được ban hành, là mốc đánh dấu sự đổi mới trong tư duy và nhận thức của Đảng và cả hệ thống chính trị về vai trò của tôn giáo đối với xã hội với tư cách là một nguồn lực cần được ghi nhận và phát huy.

Đại hội IX của Đảng (năm 2001) xác định: “Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống

của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001: 128).

Tiếp đó, Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo đã khẳng định: “Giải quyết việc tôn giáo thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của Nhà nước theo nguyên tắc: khuyến khích các tôn giáo đã được Nhà nước thừa nhận tham gia phù hợp với chức năng, nguyên tắc tổ chức của mỗi tôn giáo và quy định của pháp luật. Cá nhân tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành tham gia với tư cách công dân thì được Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003: 54).

Đại hội X của Đảng (năm 2006) nhấn mạnh: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống ‘tốt đời, đẹp đạo’” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006: 122). Đến Đại hội XI (năm 2011) bổ sung nội dung: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo; động viên các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống tốt đời, đẹp đạo, tham gia đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011: 245).

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) tiếp tục khẳng định: “Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 165). Đến Đại hội XIII (năm 2021), Đảng chủ trương: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống ‘tốt đời, đẹp đạo’, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 171). Chủ trương này của Đảng về đoàn kết tôn giáo đã thể hiện sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Thực tiễn phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

3.1. Tình hình nguồn lực tôn giáo

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo. Hiện nay, Nhà nước đã công nhận và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo với hơn 27 triệu tín đồ, chiếm khoảng 28% dân số cả nước, trên 55.000 chức sắc, gần 150.000 chức việc, gần 30.000 cơ sở thờ tự (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2021: 44-66).

Phật giáo có khoảng 53.000 tăng, ni, trong số nhà tu hành thì số chức sắc ở bậc thượng tọa, hòa thượng, ni trưởng, ni sư khoảng 17.000 người (chiếm 28% tổng số nhà tu hành Phật giáo) (Lê Thị Liên, 2020: 46). Phần lớn số chức sắc đều nằm trong hai hội đồng quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là: Hội đồng chứng minh và Hội đồng trị sự. Đồng thời các chức sắc này cũng được giao giữ những chức vụ trong giáo hội.

Công giáo có 5.050 vị chức sắc gồm: 46 giám mục, trong đó có 28 giám mục tại vị và 18 giám mục hưu (Lê Thị Liên, 2021: 52). Các giám mục là thành viên của Hội đồng Giám mục Việt Nam, trong đó Giám

mục chính tòa là người đứng đầu, quản lý một giáo phận rộng lớn, cũng là những người đứng đầu các ủy ban giám mục đặc trách các vấn đề cơ bản trong Hội đồng Giám mục Việt Nam. Bên cạnh đó, trên 5.000 linh mục được đào tạo bài bản, thực hiện chức năng quản đạo, hành đạo, truyền đạo và thực hiện các hoạt động xã hội khác (Vũ Chiến Thắng, 2020: 31).

Bên cạnh đội ngũ chức sắc, Giáo hội Công giáo Việt Nam có khoảng trên 135 dòng tu với gần 24.000 tu sĩ, trong đó: tu sĩ nam gần 5.000, trong số tu sĩ nam có trên 1.300 là linh mục dòng (tu sĩ có chức thánh); 19.000 nữ tu (Lê Thị Liên, 2021: 53). Các tu sĩ là một trong những nguồn nhân sự quan trọng trong truyền giáo và trong hoạt động xã hội của giáo hội.

Tin lành có gần 2.000 chức sắc, 6.851 chức việc, 757 tổ chức tôn giáo trực thuộc (chi hội, hội thánh địa phương). Chức sắc Cao Đài có 13.720 người, trong đó có 01 vị Chứng pháp, 36 đầu sư, 60 vị chánh phối sư, 217 phối sư, 826 giáo sư, 2.918 giáo hữu, 10.359 lễ sanh và hàng chục nghìn chức việc hoạt động trong 10 Hội thánh đã được công nhận. Đến tháng 11/2019, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có 4.093 chức việc hoạt động ở 20 tỉnh, thành phố, tập trung chủ yếu ở 9 tỉnh Tây Nam bộ: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Tiền Giang, Long An và Kiên Giang (Lê Thị Liên, 2021: 55). Các tôn giáo khác cũng có số lượng chức sắc, chức việc, nhà tu hành rất lớn.

Chức sắc, chức việc, nhà tu hành là những trí thức tôn giáo, đa số họ có trình độ cao. Với Công giáo, 100% có trình độ đại học và trên đại học được đào tạo ở các trường danh tiếng trong và ngoài nước và thông thạo ngoại ngữ. Với Phật giáo, 100% chức sắc, nhà tu hành tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên. Các bậc thượng tọa, hòa thượng, ni trưởng, ni sư, đại đức, sư cô có

trình độ thể học ngày càng cao. Giáo hội Phật giáo hiện có hơn 600 chức sắc, nhà tu hành có trình độ tiến sĩ, 2.000 vị có trình độ thạc sĩ, có khoảng 250 tăng, ni sinh đang theo học ở nước ngoài. Với chức sắc, chức việc đạo Tin lành, mặt bằng chung trình độ thể học ngày một nâng cao, trừ số ít chức sắc là người dân tộc thiểu số, còn lại là tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên, vì đây là bắt buộc khi ứng sinh đó muốn vào học tiếp ở trường đào tạo tôn giáo (Lê Thị Liên, 2021: 60).

Tín đồ tôn giáo (“công dân khá đặc biệt”) mang trong mình vai trò kép, vừa là công dân, vừa là tín đồ của một tổ chức tôn giáo, chiếm 28% dân số trong cả nước, còn lại bộ phận nhân dân có tín ngưỡng và tình cảm với tôn giáo chiếm số lượng khá nhiều. Đây là lực lượng quần chúng đông đảo, là nguồn nhân lực quan trọng có nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Họ là những người cùng chung đức tin, là nguồn lực xã hội đáng kể tạo ra nguồn vốn xã hội mạnh mẽ, họ có khả năng tạo ra một mạng lưới liên kết rộng khắp và thống nhất trong hoạt động vì bên cạnh niềm tin còn có thiết chế và tổ chức chặt chẽ. Bên cạnh đó, với tính chất “vàng phục, kính Phật, trọng tăng” thì việc tín đồ thực hiện theo giáo lý, nghi lễ và giáo huấn của tôn giáo và những người lãnh đạo tinh thần thì sự liên kết sẽ càng chặt chẽ và phạm vi rộng lớn. Mặc dù việc làm của họ đều hướng đích là thể hiện sự tự tôn tôn giáo, chứng minh cho chân lý của tôn giáo mình và muốn tôn giáo mình hiện diện và lan tỏa, sống động trong xã hội, nhưng cũng chính là đang đóng góp vào mục tiêu chung là làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

3.2. Vai trò của nguồn lực tôn giáo

Tín đồ tôn giáo là nguồn lực quan trọng đóng góp không nhỏ cho công cuộc xây dựng và phát triển bền vững đất nước.

Những năm qua, các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia vào các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, từ thiện, nhân đạo... Các tôn giáo không những có nguồn nhân lực dồi dào mà còn tạo ra một nguồn vốn xã hội không nhỏ. Nguồn nhân lực tôn giáo, nguồn vốn xã hội của tôn giáo khi kết hợp với niềm tin tôn giáo không chỉ tạo ra của cải vật chất mà còn thôi thúc các tổ chức và cá nhân nâng cao trách nhiệm trong thực hiện một số hoạt động một cách hiệu quả và bền vững. Ngày nay, các tôn giáo đang tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước, đóng góp cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo thống kê của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2017), năm 2016, các tổ chức tôn giáo đã quyên góp được 3.371.423 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện xã hội. Trong 6 tháng đầu năm 2018, các tổ chức tôn giáo đã quyên góp cho xã hội hơn 1.000 tỷ đồng từ các nguồn xã hội hóa của các chức sắc, tín đồ, các nhà hảo tâm, các cơ sở sản xuất (Vũ Chiến Thắng, 2019). Đối với một số lĩnh vực, nguồn lực tôn giáo được thể hiện như sau:

Lĩnh vực y tế: Hầu hết các tổ chức tôn giáo đều tham gia, đa dạng ở nhiều mô hình, trong đó tập trung ở 2 mô hình chính là Tây y, Đông y hay Đông - Tây y kết hợp. Theo thống kê từ Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2017), tổng số cơ sở khám, chữa bệnh của tôn giáo là 281 cơ sở, số chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo tham gia trong các cơ sở khám, chữa bệnh là 13.027 người. Số người được khám, cấp thuốc hằng năm tại các cơ sở: phòng khám chuyên khoa Tây y là 1.512.727 lượt người, phòng chẩn trị Y học cổ truyền là 14.233.253 lượt người, bệnh xá của tôn giáo là 179.025 lượt người, các cơ sở khác là 7.577.602 lượt người (Vũ Chiến Thắng, 2020: 37).

Lĩnh vực giáo dục: Đối với giáo dục mầm non, theo báo cáo thống kê của các tỉnh/thành phố, đến năm 2017, cả nước có khoảng 270 trường mầm non, khoảng 1.000 nhóm, lớp mầm non độc lập do các cá nhân tôn giáo thành lập, chiếm 2% so với tổng số trường mầm non công lập và ngoài công lập; chiếm 15% tổng số trường mầm non ngoài công lập trong cả nước, huy động khoảng 125.594 trẻ đến trường/lớp, chiếm 3,06% so với tổng số trẻ đến trường mầm non trên toàn quốc (công lập và ngoài công lập), chiếm 18,3% so với trẻ đến trường mầm non ngoài công lập. Có 10 trường (3,7%) đạt chuẩn quốc gia (trong đó 1 trường đạt chuẩn mức độ 2); nhiều trường là những điển hình tiêu biểu về chất lượng, điều kiện cơ sở vật chất trên địa bàn (Vũ Chiến Thắng, 2020).

Đối với giáo dục dạy nghề, theo thống kê của Vũ Chiến Thắng (2020: 38), cả nước có 12 cơ sở dạy nghề thuộc các tổ chức tôn giáo trong tổng số 1.998 cơ sở giáo dục nghề nghiệp toàn quốc, bao gồm: 2 trường trung cấp nghề và 10 trung tâm dạy nghề. Hằng năm các cơ sở dạy nghề này tuyển sinh đào tạo hệ trung cấp và dạy nghề ngắn hạn cho khoảng 2.000 người. Các cơ sở dạy nghề của tôn giáo ở miền Bắc có 1 trung tâm dạy nghề tại tỉnh Nam Định, miền Trung có 3 cơ sở dạy nghề tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Trị, Ninh Thuận và miền Nam có 8 cơ sở dạy nghề ở các tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Vĩnh Long, Kiên Giang, trong đó có Trường Cao đẳng nghề Hòa Bình ở Đồng Nai hoạt động rất hiệu quả.

Lĩnh vực từ thiện xã hội: Theo thống kê của Nguyễn Văn Thanh (2022: 548-549), cả nước có 113 cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo đảm nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng 11.800 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số 2.600 nhân viên, bình quân 1

cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo chăm sóc, nuôi dưỡng 104 đối tượng bảo trợ xã hội. Các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo không chỉ hỗ trợ các tín đồ tôn giáo mà còn hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn. Hiện nay, các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các tổ chức tôn giáo tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng 11.800 đối tượng bảo trợ xã hội/năm, trong đó có trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi, người khuyết tật, người cao tuổi, người tâm thần và người có hoàn cảnh khó khăn khác (Nguyễn Văn Thanh, 2022: 549).

Như vậy, từ phân tích trên có thể thấy thành quả đến từ nguồn lực tôn giáo đã mang lại nhiều giá trị tốt đẹp, nhất là ở các địa phương. Trong đó, các hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo trong lĩnh vực giáo dục, y tế đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, nhận thức, mục đích, cách thức và nhận diện để phát huy nguồn lực tôn giáo còn hạn chế, bất cập, dẫn đến chưa khơi thông được nguồn lực tôn giáo trong phát triển bền vững đất nước. Do vậy, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của chủ thể phát huy cần được tiếp tục khảo sát, đánh giá một cách toàn diện, có sự tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia đã phát huy tốt nguồn lực tôn giáo. Từ đó có cách nhìn nhận, đánh giá khách quan để nhận thức đúng và tham mưu đề xuất chính sách, pháp luật phù hợp định hướng cho cá nhân, tổ chức tôn giáo thực hiện theo khả năng và quy định, thu hút nguồn lực vào phát triển bền vững đất nước.

5. Kết luận

Việc nghiên cứu nguồn lực và phát huy nguồn lực tôn giáo cả về cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy nguồn lực tôn giáo đã mang lại nhiều giá trị tốt đẹp, nhất là ở các địa phương. Trong đó, các hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo trong lĩnh vực giáo dục, y tế đã góp phần quan trọng

trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, nhận thức, mục đích, cách thức và điều kiện để phát huy nguồn lực tôn giáo còn hạn chế, do đó chưa khơi thông được nguồn lực tôn giáo trong phát triển bền vững đất nước. Vì vậy, trách nhiệm của các chủ thể, nhà quản lý là cần tiếp tục khảo sát, đánh giá một cách toàn diện, có sự tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia đã phát huy tốt nguồn lực tôn giáo. Từ đó có cách nhìn nhận, đánh giá khách quan để nhận thức đúng và tham mưu đề xuất chính sách, pháp luật phù hợp định hướng cho cá nhân, tổ chức tôn giáo thực hiện theo khả năng và quy định, thu hút nguồn lực vào phát triển bền vững đất nước. Để phát huy nguồn lực tôn giáo, cần nâng cao nhận thức cho nhân dân về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay; bổ sung quan điểm, chính sách đối với tôn giáo và công tác tôn giáo rõ và mới hơn để có môi trường, điều kiện thuận lợi, cần và đủ cho các tôn giáo phát huy đóng góp vào sự phát triển bền vững đất nước □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Giá trị di sản của đa dạng tôn giáo ở Việt Nam và những đóng góp đối với xã hội Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2021), *Công tác tôn giáo 2021*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị số 18-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa IX ngày 12/03/2003 về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 22, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập

- 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Ngô Quốc Đông (2021), “Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr. 3-19.
10. Nguyễn Khắc Đức (2022), *Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
11. Lê Thị Liên (2021), *Khảo sát, đánh giá thực trạng chức sắc, chức việc, nhà tu hành của các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* (Dự án điều tra, khảo sát cấp Bộ), Hà Nội.
12. Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng (1996), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
14. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
15. Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Đức Lữ (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
16. Nguyễn Văn Thanh (2022), *Phát huy nguồn lực các tôn giáo tham gia các hoạt động an sinh xã hội*, Đề tài cấp Bộ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hà Nội.
17. Vũ Chiến Thắng (2020), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát huy nguồn lực tôn giáo trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững đất nước hiện nay*, Đề tài cấp Bộ, Ban Tôn giáo Chính phủ, Hà Nội.
18. V.I. Lênin, *Toàn tập*, Tập 26, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.
19. Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng (2020), *Nguồn lực tôn giáo: kinh nghiệm trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

(tiếp theo trang 52)

4. *Etats statistiques annuelles de l'instruction publique de 1910 à 1917*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.
5. *Hương ước làng Thanh Liệt, tổng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, 1936*.
6. *Hương ước xã Thanh Trì, tổng Thanh Trì, huyện Thanh Trì, 1921*.
7. Phan Trọng Báu (2004), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
8. Trần Thị Phương Hoa (2012), *Giáo dục Pháp-Việt ở Bắc kỳ (1884-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Klobukowski, Antony (1909), *Discours prononce à l'ouverture de la session ordinaire du Conseil supérieur 27-11-1909*.
10. Nguyễn Danh Phiệt (1990), “Về giáo dục ở làng xã Việt Nam thời cận đại”, trong: Viện Sử học (1990), *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. *Rapport au Conseil du Gouvernement* (Báo cáo của Hội đồng Chính phủ), Hà Nội, 1916.